**Đặc tả UseCase**

# **1. Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case name**: Đăng nhập | **ID:** UC-10.1 |
| **Primary actors:** Học viên, Giáo viên, Quản trị viên (Admin). | **Use case type:** Detail |
| **Brief Description:** Là người dùng,  tôi muốn đăng nhập vào hệ thống kiểm tra trắc nghiệm online. | |
| **Trigger**: Người dùng truy cập vào hệ thống . | |
| **Relationship:** “Đăng nhập” là chức năng bắt buộc khi người dùng muốn truy cập ứng dụng. | |
| **Pre-Condition:** Học viên, Giáo viên, Quản trị viên (Admin) đăng nhập được tài khoản vào hệ thống. | |
| **Post-Condition:**   * Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống. * Hiển thị giao diện hệ thống. | |
| **Normal flow (basic flow)**  1.     Mở hệ thống kiểm tra trắc nghiệm Online.  2.     Hiển thị giao diện đăng nhập.  3.     Yêu cầu nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  4.     Nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  5.     Nhấn nút “Đăng nhập”.  6.     Xác thực thông tin.  7.     Cho phép truy cập vào hệ thống | |
| **Exceptional flows**  6a.     Nếu nhập sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu thì thông báo “Đăng nhập sai, xin vui lòng thử lại” và thử lại .  6b. Nếu đã thử lại trên 3 lần thì thông báo “Khóa quyền đăng nhập” và kết thúc. | |

# **2. Đăng xuất**

# **3. Thêm đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case name**: Thêm đề thi | **ID:** UC-8.3 |
| **Primary actors:** Giáo viên | **Use case type:** Detail |
| **Brief Description:** Là giáo viên, tôi muốn thêm một đề thi mới vào hệ thống để phục vụ cho kỳ kiểm tra của học viên. | |
| **Trigger**: Giáo viên truy cập chức năng “Quản lý đề thi” và chọn “Thêm đề thi”. | |
| **Relationship:** “Thêm đề thi” là chức năng mở rộng từ “Quản lý đề thi”. | |
| **Pre-Condition:** Giáo viên đã đăng nhập vào hệ thống với quyền phù hợp. | |
| **Post-Condition:**   Hệ thống lưu trữ thành công đề thi mới.   Đề thi được hiển thị trong danh sách đề thi. | |
| **Normal flow (basic flow)**  1. Giáo viên chọn chức năng “Thêm đề thi”.  2. Hệ thống hiển thị form nhập thông tin đề thi (tên đề, mô tả, thời gian làm bài, môn học, câu hỏi liên quan...).  3. Giáo viên nhập thông tin đầy đủ.  4. Nhấn “Lưu”.  5. Hệ thống xác thực và lưu đề thi vào cơ sở dữ liệu.  6. Thông báo “Thêm đề thi thành công”. | |
| **Exceptional flows**  3a. Nếu nhập thiếu thông tin bắt buộc → hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. 5a. Nếu lưu không thành công → hiển thị thông báo “Thêm đề thi thất bại, vui lòng thử lại”. | |

# **4. Sửa đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case name**: Sửa đề thi | **ID:** UC-8.3 |
| **Primary actors:** Giáo viên | **Use case type:** Detail |
| **Brief Description:** Là giáo viên, tôi muốn chỉnh sửa thông tin đề thi để cập nhật nội dung cho phù hợp. | |
| **Trigger**: Giáo viên chọn chức năng “Sửa đề thi” từ danh sách đề. | |
| **Relationship:** “Sửa đề thi” là chức năng mở rộng từ “Quản lý đề thi”. | |
| **Pre-Condition:** Đã tồn tại đề thi, giáo viên có quyền sửa đề. | |
| **Post-Condition:**   Hệ thống cập nhật thành công thông tin đề thi.   Thông tin mới được phản ánh trong danh sách đề thi. | |
| **Normal flow (basic flow)**  1. Giáo viên chọn một đề thi trong danh sách và nhấn “Sửa”.  2. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin đề thi.  3. Giáo viên cập nhật nội dung mong muốn.  4. Nhấn “Lưu”.  5. Hệ thống xác thực và cập nhật đề thi.  6. Thông báo “Cập nhật đề thi thành công”. | |
| **Exceptional flows**  2a. Nếu không chọn được đề thi → hiển thị thông báo “Vui lòng chọn đề thi cần sửa”.  5a. Nếu lỗi hệ thống khi cập nhật → hiển thị thông báo lỗi và giữ nguyên dữ liệu cũ. | |

# **5. Xoá đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case name**: Xoá đề thi | **ID:** UC-8.3 |
| **Primary actors:** Giáo viên | **Use case type:** Detail |
| **Brief Description:** Là giáo viên, tôi muốn xoá một đề thi không còn sử dụng để tránh gây nhầm lẫn. | |
| **Trigger**: Giáo viên chọn “Xoá đề thi” trong danh sách. | |
| **Relationship:** “Xoá đề thi” là chức năng mở rộng từ “Quản lý đề thi”. | |
| **Pre-Condition:** Đề thi được phép xoá, chưa được học viên sử dụng. | |
| **Post-Condition:**   * Đề thi bị xoá khỏi hệ thống. * Danh sách đề thi được cập nhật lại. | |
| **Normal flow (basic flow)**  1. Giáo viên chọn đề thi và nhấn “Xoá”.  2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận.  3. Giáo viên xác nhận xoá.  4. Hệ thống tiến hành xoá đề thi.  5. Thông báo “Xoá đề thi thành công”. | |
| **Exceptional flows**  2a. Nếu đề thi đã được sử dụng → hiển thị “Không thể xoá đề thi đã có lịch sử thi”.  4a. Nếu lỗi trong quá trình xoá → hiển thị thông báo lỗi và giữ nguyên đề thi. | |

# **6. Tìm kiếm đề thi**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case name**: Tìm kiếm đề thi | **ID:** UC-8.3 |
| **Primary actors:** Giáo viên | **Use case type:** Detail |
| **Brief Description:** Là giáo viên, tôi muốn tìm kiếm đề thi theo tên, mã đề hoặc bộ môn để dễ dàng truy xuất và chỉnh sửa. | |
| **Trigger**: Giáo viên nhập từ khoá vào ô tìm kiếm đề thi. | |
| **Relationship:** “Tìm kiếm đề thi” là chức năng mở rộng từ “Quản lý đề thi”. | |
| **Pre-Condition:** Hệ thống có sẵn đề thi trong cơ sở dữ liệu. | |
| **Post-Condition:**   * Hiển thị danh sách đề thi khớp với từ khóa tìm kiếm. | |
| **Normal flow (basic flow)**  1. Giáo viên vào trang “Quản lý đề thi”.  2. Nhập từ khóa tìm kiếm (tên đề, môn học...).  3. Nhấn nút “Tìm kiếm”.  4. Hệ thống lọc và hiển thị kết quả tìm được. | |
| **Exceptional flows**  2a. Nếu không nhập từ khoá → hệ thống hiển thị tất cả đề thi.  4a. Nếu không tìm thấy kết quả phù hợp → thông báo “Không tìm thấy đề thi phù hợp”. | |